

**Phụ lục 2****DANH MỤC VBQPPL CHUYÊN NGÀNH HÀNG HẢI****I. DANH MỤC VBQPPL HƯỚNG DẪN THI HÀNH BỘ LUẬT HÀNG HẢI VIỆT NAM NĂM 2015**

<b>STT</b>	<b>Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành</b>	<b>Tên gọi của VBQPPL/Trích yếu nội dung của VBQPPL</b>	<b>Thời điểm có hiệu lực</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
<b>A</b>	<b>Nghị định</b>			
1.	70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Nghị định của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải	01/7/2016	Chính phủ
	69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải	30/10/2022	Chính phủ
	147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải	24/10/2018	Chính phủ
2.	111/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển	01/7/2016	Chính phủ
3.	146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016	Nghị định của Chính phủ quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá vận chuyển hàng hóa công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển	01/7/2017	Chính phủ
4.	160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016	Nghị định của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển	01/7/2017	Chính phủ
5.	169/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Nghị định của Chính phủ về xử lý hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam	01/7/2017	Chính phủ
6.	170/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Nghị định của Chính phủ quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải	01/7/2017	Chính phủ
7.	171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Nghị định của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển	01/7/2017	Chính phủ
	86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.	15/9/2020	Chính phủ
	247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển đã được sửa đổi, bổ	30/10/2025	Chính phủ

		sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.		
8.	05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017	Nghị định của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam	01/7/2017	Chính phủ
9.	29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017	Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải	01/7/2017	Chính phủ
10.	37/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017	Nghị định của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	01/7/2017	Chính phủ
11.	38/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017	Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn	01/7/2017	Chính phủ
12.	58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật 2015 Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.	01/7/2017	Chính phủ
	74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.	27/11/2023	Chính phủ
13.	16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018	Nghị định của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam	01/4/2018	Chính phủ
14.	87/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009	Nghị định của Chính phủ về vận tải đa phương thức	15/12/2009	Chính phủ
	89/2011/NĐ-CP ngày 10/10/2011	Nghị định của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 87/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức	25/11/2011	Chính phủ
	144/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định về vận tải đa phương thức	16/10/2018	Chính phủ
15.	143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017	Nghị định của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải	01/02/2018	Chính phủ
16.	82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019	Nghị định của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	30/12/2019	Chính phủ
17.	76/2021/NĐ-CP 28/7/2021	Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chí phân loại cảng biển Việt Nam	10/9/2021	Chính phủ
<b>B</b>	<b>Thông tư</b>			
1.	29/2016/TT-BGTVT ngày 20/10/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cách thức phân chia tiền công cứu hộ của thuyền bộ tàu biển Việt Nam.	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
2.	30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải.	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
3.	40/2016/TT-BGTVT	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ

	ngày 07/12/2016	Việt Nam.		GTVT
	16/2022/TT-BGTVT 30/6/2022	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.	15/8/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
4.	50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
5.	22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ Y tế
6.	23/2017/TT-BGTVT ngày 28/7/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.	15/9/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
7.	32/2017/TT-BYT ngày 28/7/2017	Thông tư quy định về tủ thuốc, trang thiết bị y tế, tài liệu hướng dẫn y tế trên tàu biển và biểu mẫu báo cáo Y tế.	15/9/2017	Bộ trưởng Bộ Y tế
8.	38/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thanh toán chi phí hồi hương cho thuyền viên.	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ Tài chính
9.	40/2017/TT-BYT ngày 23/10/2017	Thông tư quy định về tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn đối với thực phẩm, nước ăn uống và định lượng bữa ăn của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.	06/12/2017	Bộ trưởng Bộ Y tế
10.	17/2018/TT-BYT ngày 06/8/2018	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2017/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.	01/10/2018	Bộ trưởng Bộ Y tế
11.	37/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/12/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải.	09/02/2019	Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
12.	54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng, cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam	01/01/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
13.	27/2019/TT-BGTVT ngày 07/8/2019	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị áp lực trên phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra phương tiện, thiết bị xếp dỡ; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động và kỹ thuật nồi hơi lắp đặt trên phương tiện, thiết bị thăm dò và khai thác trên biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Sửa đổi 3: 2018.	31/3/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
14.	55/2019/TT-BGTVT	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về danh mục giấy chứng nhận và	01/3/2020	Bộ trưởng Bộ

	ngày 31/12/2019	tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam		GTVT
15.	01/2020/TT-BGTVT ngày 20/01/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải	15/3/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
16.	số 18/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025	Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.	15/8/2025	Bộ trưởng Bộ Xây dựng
17.	20/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023	Thông tư quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam	01/9/2023	Bộ trưởng Bộ GTVT
18.	40/2023/TT-BGTVT ngày 25/12/2023	Thông tư quy định tiêu chí chất lượng và công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá để nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải	01/4/2024	Bộ trưởng Bộ GTVT
19.	56/2023/TT-BGTVT ngày 31/12/2023	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2017/TT-BGTVT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	01/4/2024	Bộ trưởng Bộ GTVT
20.	57/2023/TT-BGTVT ngày 31/12/2023	Thông tư quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải	01/4/2024	Bộ trưởng Bộ GTVT
21.	12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024	Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam	01/7/2024	Bộ trưởng Bộ GTVT
	31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam	15/01/2025	Bộ trưởng Bộ GTVT
22.	số 31/2025/TT-BXD ngày 31/10/2025	Thông tư quy định về tiêu chuẩn đào tạo hoa tiêu hàng hải; cấp, thu hồi chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hàng hải và giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.	01/1/2026	Bộ trưởng Bộ XD

## II. DANH MỤC VBQPPL LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

STT	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VBQPPL	Tên gọi của VBQPPL/Trích yếu nội dung của VBQPPL	Thời điểm có hiệu lực	Cơ quan ban hành
<b>A</b>	<b>Luật, Pháp lệnh</b>			
1.	35/2018/QH14 ngày 20/11/2018	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch	01/01/2019	Quốc hội
2.	05/2008/UBTVQH12 ngày 27/8/2008	Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển	01/7/2009	UBTVQH
<b>B</b>	<b>Nghị định</b>			
1.	57/2010/NĐ-CP ngày 25/5/2010	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu biển.	09/7/2010	Chính phủ
2.	95/2010/NĐ-CP ngày 16/9/2010	Nghị định của Chính phủ quy định về cấp phép và phối hợp hoạt động với lực lượng tìm kiếm cứu nạn nước ngoài tại Việt Nam.	01/11/2010	Chính phủ
3.	104/2012/NĐ-CP ngày 5/12/2012	Nghị định của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	20/01/2013	Chính phủ
4.	121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển	01/03/2015	Chính phủ
5.	71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015	Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	20/10/2015	Chính phủ
6.	77/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017	Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng	20/8/2017	Chính phủ
7.	99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022	Nghị định của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.	15/01/2023	Chính phủ
8.	30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017	Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.	05/5/2017	Chính phủ
9.	29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018	Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.	05/3/2018	Chính phủ
10.	84/2025/NĐ-CP ngày 04/04/2025	Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	04/4/2025	Chính phủ
11.	163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017	Nghị định của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics.	20/02/2018	Chính phủ
12.	142/2017/NĐ-CP	Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hàng hải.	01/8/2018	Chính phủ

	ngày 11/12/2017			
	123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021	Nghị định của Chính phủ sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.	01/01/2022	Chính phủ
13.	56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực Giao thông vận tải trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch.	24/6/2019	Chính phủ
14.	57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024	Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biên và vùng nước đường thủy nội địa	05/7/2024	Chính phủ
15.	69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018	Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương	15/5/2018	Chính phủ
<b>Thông tư</b>				
1.	59/2014/TTLT-BTC- BGTVT ngày 9/5/2014	Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ GTVT hướng dẫn về thu, nộp và sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước.	24/6/2014	Bộ trưởng Bộ Tài chính
2.	189/2016/TT-BTC 8/11/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ Tài chính
3.	261/2016/TT-BTC 14/11/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ Tài chính
	90/2019/TT-BTC 31/12/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải	01/03/2020	Bộ trưởng Bộ Tài chính
	74/2021/TT-BTC 27/8/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải	12/10/2021	Bộ trưởng Bộ Tài chính
4.	17/2017/TT-BTC 28/02/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải	18/4/2014	Bộ trưởng Bộ Tài chính
5.	219/2010/TT-BTC 30/12/2010	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tiêu chí xác định tổ chức bảo hiểm có uy tín trong lĩnh vực hàng hải theo quy định tại Pháp lệnh Thủ tục bắt	01/03/2011	Bộ trưởng Bộ Tài chính

		giữ tàu biển		
6.	220/2012/TTLT-BTC-BGTVT 24/12/2012	Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc bảo đảm chi phí bắt giữ tàu biển và duy trì hoạt động của tàu biển trong thời gian bị bắt giữ từ ngân sách nhà nước	11/02/2013	Liên tịch Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ GTVT
7.	63/2019/TT-BTC 09/9/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	01/01/2020	Bộ trưởng Bộ Tài chính
8.	246/2016/TT-BTC 11/11/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ Tài chính
	27/2019/TT-BTC 14/5/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển và Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay.	01/07/2019	Bộ trưởng Bộ Tài chính
9.	234/2016/TT-BTC 11/11/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ Tài chính
10.	19/2013/TT-BTTTT 02/12/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Thông tin truyền thông quy định tần số cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu nạn trên biển và hàng không dân dụng.	20/01/2014	Bộ trưởng Bộ Thông tin truyền thông
11.	15/2015/TTLT-BGTVT-BQP-BCA-BNG 06/5/2015	Thông tư liên tịch của Bộ GTVT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao quy định cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.	01/10/2015	Liên tịch các Bộ trưởng: GTVT, Quốc phòng, Công an, Ngoại giao
12.	192/2016/TT-BTC 8/11/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ Tài chính
13.	27/2011/TT-BGTVT 14/4/2011	Thông tư Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT

		về an ninh tàu biển và cảng biển		
14.	01/2019/TT-BTP 17/01/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển.	03/03/2019	Bộ trưởng Bộ Tư pháp
15.	02/2020/TT-BGTVT 21/02/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành định mức kinh tế kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy công vụ của Cảng vụ hàng hải.	15/4/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
16.	49/2011/TTLT- BGTVT-BNV-BTC 30/9/2011	Thông tư liên tịch của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 141/2009/QĐ-TTg ngày 31/2/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tiền lương và chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với lực lượng tìm kiếm cứu nạn hàng hải.	15/11/2011	Liên tịch của các Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải, Nội vụ và Tài chính
17.	20/2012/TT-BGTVT 15/6/2012	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của cán bộ công chức, viên chức và thuyền viên cảng vụ hàng hải.	01/9/2012	Bộ trưởng Bộ GTVT
18.	43/2013/TT-BGTVT 14/11/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trang phục đối với công chức, người lao động của Cục Hàng hải Việt Nam.	30/12/2013	Bộ trưởng Bộ GTVT
19.	34/2013/TT-BGTVT 15/10/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam.	01/12/2013	Bộ trưởng Bộ GTVT
20.	34/2020/TT-BGTVT 23/12/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.	15/02/2021	Bộ trưởng Bộ GTVT
21.	46/2017/TT-BGTVT 27/11/2017	Thông tư quy định về an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường khi vận chuyển hàng nguy hiểm bằng tàu biển.	15/01/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
22.	08/2021/TT-BGTVT 19/4/2021	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển	01/11/2021	Bộ trưởng Bộ GTVT
23.	09/2021/TT-BGTVT 19/4/2021	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn.	01/11/2021	Bộ trưởng Bộ GTVT
24.	11/2016/TT-BGTVT 02/6/2016	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu biển vỏ gỗ.	28/11/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
25.	08/2017/TT-BGTVT 14/3/2017	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo động và chỉ báo trên tàu biển, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Sửa đổi 1: 2016, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giám sát và đóng tàu biển cỡ nhỏ.	01/9/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT

26.	41/2017/TT-BGTVT 14/11/2017	Thông tư quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển	01/01/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
27.	15/2018/TT-BGTVT 04/4/2018	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, mã số đăng ký: QCVN 99:2017/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Sửa đổi 2: 2017, mã số đăng ký: Sửa đổi 2: 2017 QCVN 21:2015/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trang bị an toàn tàu biển - Sửa đổi 1: 2017, mã số đăng ký: Sửa đổi 1: 2017 QCVN 42:2015/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng du thuyền - Sửa đổi 1: 2017, mã số đăng ký: Sửa đổi 1: 2017 QCVN 81:2014/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn cố định trên biển - Sửa đổi 1: 2017, mã số đăng ký: Sửa đổi 1: 2017 QCVN 49:2017/BGTVT.	01/12/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
28.	82/2014/TT-BGTVT 30/12/2014	Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng du thuyền và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Sửa đổi lần 2 năm 2014.	01/7/2015	Bộ trưởng Bộ GTVT
29.	53/2018/TT-BGTVT 28/10/2018	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống xử lý nước thải trên tàu.	01/7/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
30.	25/2020/TT-BGTVT 14/10/2020	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điều khiển tự động và từ xa, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hoạt động kéo trên biển	01/4/2021	Bộ trưởng Bộ GTVT
31.	32/2017/TT-BGTVT 26/9/2017	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị áp lực trên phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển.	01/4/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
32.	16/2013/TT-BGTVT 30/7/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển Việt Nam.	15/9/2013	Bộ trưởng Bộ GTVT
33.	49/2013/TT-BGTVT 06/12/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.	01/03/2014	Bộ trưởng Bộ GTVT
34.	13/2014/TT-BGTVT 9/5/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình.	01/7/2014	Bộ trưởng Bộ GTVT
35.	57/2015/TT-BGTVT 19/10/2015	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.	01/01/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
36.	04/2016/TT-BGTVT 4/4/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên	01/01/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT

		song Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.		
37.	05/2016/TT-BGTVT 4/4/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh An Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải An Giang.	01/01/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
38.	26/2016/TT-BGTVT 11/10/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
39.	44/2016/TT-BGTVT 26/12/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.	01/03/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
40.	13/2017/TT-BGTVT 28/4/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển.	01/7/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
41.	52/2017/TT-BGTVT 29/12/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.	01/03/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
42.	07/2019/TT-BGTVT 14/02/2019	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.	01/04/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
43.	01/2018/TT-BGTVT 03/01/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh.	01/03/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
44.	44/2018/TT-BGTVT 03/8/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải	01/10/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
45.	55/2018/TT-BGTVT 20/11/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Định, tỉnh Phú Yên và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn.	15/11/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
46.	57/2018/TT-BGTVT 14/12/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị.	01/02/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
47.	58/2018/TT-BGTVT 14/12/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.	01/02/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
48.	02/2019/TT-BGTVT 11/01/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải	01/4/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT

		Đà Nẵng.		
49.	14/2019/TT-BGTVT 24/4/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai.	15/6/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
50.	16/2019/TT-BGTVT 03/5/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam.	01/7/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
51.	21/2019/TT-BGTVT 12/6/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận.	01/8/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
52.	23/2019/TT-BGTVT 21/6/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng.	15/8/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
53.	32/2019/TT-BGTVT 04/9/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.	01/01/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
54.	37/2019/TT-BGTVT 03/10/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi.	01/12/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
55.	16/2020/TT-BGTVT 10/8/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thái Bình.	01/10/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
56.	18/2020/TT-BGTVT 14/8/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.	01/10/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
57.	17/2020/TT-BGTVT 14/8/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.	01/10/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
58.	74/2021/TT-BTC 27/8/2021	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.	12/10/2021	Bộ trưởng Bộ GTVT
59.	27/2020/TT-BGTVT 29/10/2020	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.	15/12/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT

60.	27/2021/TT-BGTVT 30/11/2021	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	01/02/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
61.	37/2021/TT-BGTVT 30/12/2021	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.	15/2/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
62.	02/2022/TT-BGTVT 18/02/2022	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2020/TT-BGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.	15/4/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
63.	03/2022/TT-BGTVT 18/02/2022	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.	15/4/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
64.	25/2012/TT-BGTVT 03/7/2012	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chế độ thu, quản lý và sử dụng nguồn thu Hội phí IMO.	01/9/2012	Bộ trưởng Bộ GTVT
65.	54/2013/TT-BGTVT 16/12/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Sĩ quan kiểm tra tàu biển.	10/02/2014	Bộ trưởng Bộ GTVT
66.	60/2014/TT-BGTVT 3/11/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.	01/01/2015	Bộ trưởng Bộ GTVT
67.	43/2015/TT-BGTVT 20/8/2015	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận lao động hàng hải.	01/11/2015	Bộ trưởng Bộ GTVT
68.	14/2016/TT-BGTVT 28/6/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện việc cân xác nhận khối lượng toàn bộ công-ten-nơ vận tải biển tuyến quốc tế.	20/8/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
69.	23/2016/TT-BGTVT 6/9/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống quản lý hành hải tàu biển.	15/10/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
70.	24/2016/TT-BGTVT 15/9/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật về quản lý, vận hành hệ thống AIS.	01/11/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
71.	189/2016/TT-BTC 08/11/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.	01/01/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT

72.	17/2017/TT-BGTVT 31/5/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.	15/7/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
73.	18/2017/TT-BGTVT 01/6/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát đo sâu.	30/7/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
74.	24/2017/TT-BGTVT 28/7/2017	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20/8/2015 quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận lao động hàng hải.	01/10/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
75.	33/2017/TT-BGTVT 28/9/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển.	01/12/2017	Bộ trưởng Bộ GTVT
76.	07/2018/TT-BGTVT 07/02/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra tàu biển.	01/4/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
77.	43/2018/TT-BGTVT 01/8/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc của Việt Nam.	01/10/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
78.	05/2019/TT-BGTVT 29/01/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải	15/3/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
79.	42/2019/TT-BGTVT 30/10/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	01/01/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
80.	43/2019/TT-BGTVT 07/11/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT ngày 31/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.	01/8/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
81.	51/2019/TT-BGTVT 24/12/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ sung định mức kinh tế- kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng đài thông tin duyên hải.	14/02/2020	Bộ trưởng Bộ GTVT
82.	38/2021/TT-BGTVT 30/12/2021	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	20/02/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
83.	23/2010/TT-BGTVT 25/8/2010	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Quy phạm các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển”.	26/02/2011	Bộ trưởng Bộ GTVT
84.	33/2011/TT-BGTVT 19/4/2011	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển.	03/6/2011	Bộ trưởng Bộ GTVT
85.	42/2012/TT-BGTVT	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm và xử lý	01/01/2013	Bộ trưởng Bộ GTVT

	16/10/2012	vi phạm trong công tác đăng kiểm.		GTVT
86.	55/2012/TT-BGTVT 26/12/2012	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn di động trên biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn cố định trên biển.	01/07/2013	Bộ trưởng Bộ GTVT
87.	19/2013/TT-BGTVT 06/8/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải uy định việc áp dụng Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển.	15/9/2013	Bộ trưởng Bộ GTVT
88.	48/2013/TT-BGTVT 6/12/2013	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển.	01/03/2014	Bộ trưởng Bộ GTVT
89.	06/2014/TT-BGTVT 7/4/2014	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật hệ thống đường ống biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật kho chứa nổi.	28/50/2014	
90.	75/2015/TT-BGTVT 24/11/2015	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải	28/6/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
91.	04/2025/TT-BGTVT ngày 10/01/2025	Thông tư số 04/2025/TT-BGTVT ngày 10/01/2025 ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động phương tiện tìm kiếm cứu nạn hàng hải.	01/3/2025	Bộ trưởng Bộ GTVT
92.	11/2016/TT-BGTVT 02/6/2016	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu biển vỏ gỗ.	28/11/2016	Bộ trưởng Bộ GTVT
93.	41/2017/TT-BGTVT 14/11/2017	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Việt Nam.	01/01/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
94.	17/2018/TT-BGTVT 09/4/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền.	01/7/2018	Bộ trưởng Bộ GTVT
95.	10/2019/TT-BGTVT 11/3/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống thiên tai trong ngành hàng hải.	01/5/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
96.	15/2019/TT-BGTVT 26/4/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.	01/12/2019	Bộ trưởng Bộ GTVT
97.	08/2022/TT-BGTVT 16/06/2022	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.	16/06/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
98.	24/2022/TT-BGTVT 13/10/2022	Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.	15/12/2022	Bộ trưởng Bộ GTVT
99.	03/2023/TT-BGTVT	Thông tư quy định chi tiết đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thông tin	15/5/2023	Bộ trưởng Bộ

	30/3/2023	duyên hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên		GTVT
100.	10/2024/TT-BGTVT ngày 10/4/2024	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam	01/6/2024	Bộ trưởng Bộ GTVT
101.	43/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	01/01/2025	Bộ trưởng Bộ GTVT
102.	số 21/2025/TT-BXD ngày 21/7/2025	Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Thông tin duyên hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.	1/10/2025	Bộ trưởng Bộ Xây dựng
103.	số 22/2025/TT-BXD ngày 31/7/2025	Thông tư quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 và Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001.	30/9/2025	Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**Phụ lục 3****DANH MỤC VĂN BẢN QPPL CHUYÊN NGÀNH ĐTNĐ****I. DANH MỤC VBQPPL HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

TT	Số ký hiệu	Tên/ Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Thời điểm hiệu lực		Căn cứ ban hành
					Ngày có hiệu lực	Ngày hết hiệu lực	
<b>A</b>	<b>Nghị định</b>						
1.	24/2015/NĐ-CP	Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông ĐTNĐ	Chính phủ	27/02/2015	01/05/2015	Còn hiệu lực	Khoản 4 Điều 16; Điều 103 Luật GT ĐTNĐ
2.	51/2005/NĐ-CP	Nghị định quy định nguồn tài chính và quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.	Chính phủ	11/04/2005	03/05/2005	Còn hiệu lực	Khoản 2 Điều 23 Luật GT ĐTNĐ
3.	110/2014/NĐ-CP	Nghị định quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa	Chính phủ	20/11/2014	05/01/2015	Còn hiệu lực	Khoản 2 Điều 77 Luật GT ĐTNĐ
	128/2018/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực ĐTNĐ	Chính phủ	24/9/2018	24/09/2018	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 31, khoản 2 Điều 77 Luật GT ĐTNĐ
4.	111/2014/NĐ-CP	Nghị định quy định niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa và niên hạn sử dụng của PT thủy được phép nhập khẩu	Chính phủ	20/11/2014	05/01/2015	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 24 Luật GT ĐTNĐ
5.	34/2024/NĐ-CP	Nghị định số 34/2024/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.	Chính phủ	31/3/2024	15/5/2024	Còn hiệu lực	Khoản 2 Điều 95 Luật GT ĐTNĐ
<b>B</b>	<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>						
1.	51/2015/QĐ-	Quyết định quy định tổ chức tìm kiếm,	Thủ tướng	14/10/2015	01/12/2015	Còn hiệu lực	Khoản 2 Điều 98c

	TTg	cứu nạn giao thông ĐTNĐ	Chính phủ				Luật GT ĐTNĐ
<b>C</b>	<b>Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng</b>						
1.	1834/2003/QĐ-BGTVT	Quyết định về công bố tạm thời tuyến vận tải hành khách đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	24/6/2003	01/09/2003	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 9 Luật GT ĐTNĐ
2.	15/2016/TT-BGTVT	Thông tư quy định về quản lý đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/6/2016	15/09/2016	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 9 Luật GT ĐTNĐ
3.	46/2016/TT-BGTVT	Thông tư quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	29/12/2016	01/02/2017	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 9 Luật GT ĐTNĐ
	10/2021/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	29/4/2021	15/06/2021	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 9 Luật GT ĐTNĐ
4.	35/2012/TT-BGTVT	Thông tư quy định về lắp đặt kí hiệu kilômét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	6/9/2012	01/01/2013	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 12 Luật GT ĐTNĐ
	49/2018/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2012/TT-BGTVT	Bộ trưởng Bộ GTVT	11/9/2018	01/01/2019	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 12 Luật GT ĐTNĐ
5.	08/2020/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu ĐTNĐ Việt Nam	Bộ trưởng Bộ GTVT	17/4/2020	01/11/2020	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 12 Luật GT ĐTNĐ
6.	56/2022/TT-BCA	Thông tư Quy định quản lý cảng, bến thủy nội địa của lực lượng CAND	Bộ trưởng Bộ Công an	30/11/2022	15/01/2023	Còn hiệu lực	Khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 69 Luật GT ĐTNĐ
7.	50/2014/TT-BGTVT	Thông tư quy định quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	17/10/2014	01/01/2015	Còn hiệu lực	Khoản 4 Điều 13 Luật GT ĐTNĐ
8.	61/2014/TT-BGTVT	Thông tư quy định tiêu chí phân loại cảng thủy nội địa và công bố danh mục cảng thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	27/10/2014	01/01/2015	Còn hiệu lực	Khoản 4 Điều 13 Luật GT ĐTNĐ
9.	42/2021/TT-BGTVT	Thông tư quy định về công tác điều tiết khổng chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Bộ GTVT	31/12/2021	01/3/2022	Còn hiệu lực	Khoản 2 Điều 21 Luật GT ĐTNĐ
10.	75/2014/TT-BGTVT	Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	19/12/2014	15/02/2015	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 25 Luật GT ĐTNĐ

11.	47/2016/TT-BCA	Thông tư Quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy CAND	Bộ trưởng Bộ Công an	14/11/2016	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	Khoản 6 Điều 25, khoản 4 Điều 26 Luật GT ĐTNĐ
12.	43/2012/TT-BGTVT	Thông tư quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi	Bộ trưởng Bộ GTVT	23/10/2012	01/05/2013	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 26 Luật GT ĐTNĐ
13.	48/2015/TT-BGTVT	Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	22/9/2015	01/01/2016	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 26 Luật GT ĐTNĐ
14.	46/2016/TT-BCA	Thông tư Quy định về giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, chức danh, định biên thuyền viên trên phương tiện thủy và đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuống máy trong CAND	Bộ trưởng Bộ Công an	08/11/2016	01/01/2017	Còn hiệu lực	Khoản 5 Điều 29, Khoản 2, 3 Điều 32 Luật GT ĐTNĐ
15.	03/2017/TT-BGTVT	Thông tư quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	20/01/2017	15/03/2017	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 31 Luật GT ĐTNĐ
	06/2020/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT	Bộ trưởng Bộ GTVT	09/3/2020	01/05/2020	Còn hiệu lực	
16.	40/2019/TT-BGTVT	Thông tư Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	15/10/2019	01/01/2020	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 31, Khoản 2, 3 Điều 32 Luật GT ĐTNĐ
	38/2023/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải	18/12/2023	15/02/2024	Còn hiệu lực	
17.	01/2017/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào	Bộ trưởng Bộ GTVT	28/7/2017	28/07/2017	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 31 Luật GT ĐTNĐ

		tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.					
18.	39/2019/TT-BGTVT	Thông tư quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái PT, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên PT thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	15/10/2019	01/01/2020	Còn hiệu lực	Khoản 4 Điều 29, Khoản 4 Điều 33, khoản 4 Điều 34 Luật GT ĐTNĐ
	33/2022/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	12/12/2022	01/02/2023	Còn hiệu lực	
19.	69/2014/TT-BGTVT	Thông tư quy định trình tự, thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	27/11/2014	01/02/2015	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 35a Luật GT ĐTNĐ
20.	30/2004/QĐ-BGTVT	Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật của tín hiệu trên phương tiện thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	14/12/2004	14/01/2005	Còn hiệu lực	Khoản 2 Điều 45 Luật GT ĐTNĐ
21.	80/2014/TT-BGTVT	Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/12/2014	15/02/2015	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 81 Luật GT ĐTNĐ
	59/2015/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/10/2015	01/01/2016	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 81 Luật GT ĐTNĐ
22.	20/2005/QĐ-BGTVT	Quyết định về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	28/3/2005	23/04/2005	Còn hiệu lực	Khoản 3 Điều 73 Luật GT ĐTNĐ

## II. DANH MỤC VBQPPL LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Số ký hiệu	Tên/ Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Thời điểm hiệu lực		Ghi chú
					Ngày có hiệu lực	Ngày hết hiệu lực	
<b>A</b>	<b>Nghị định</b>						
1.	05/2017/NĐ-CP	Nghị định quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biên Việt Nam	Chính phủ	16/01/2017	01/07/2017	Còn hiệu lực	

2.	45/2018/NĐ-CP	Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Chính phủ	13/3/2018	13/03/2018	Còn hiệu lực	
3.	48/2019/NĐ-CP	Nghị định Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	Chính phủ	05/6/2019	15/08/2019	Còn hiệu lực	
4.	08/2021/NĐ-CP	Nghị định quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Chính phủ	28/01/2021	15/3/2021	Còn hiệu lực	
5.	139/2021/NĐ-CP	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực GTVT đường thủy nội địa	Chính phủ	31/12/2021	01/01/2022	Còn hiệu lực	
6.	54/2022/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Chính phủ	22/8/2022	01/11/2022	Còn hiệu lực	
7.	06/2024/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Chính phủ	25/01/2024	10/3/2024	Còn hiệu lực	
8.	19/2024/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019 NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi , giải trí dưới nước	Chính phủ	23/02/2024	10/4/2024	Còn hiệu lực	
9.	57/2024/NĐ-CP	Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	Chính phủ	20/5/2024	05/7/2024	Còn hiệu lực	
10.	số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025	Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.	Chính phủ	20/01/2025	20/01/2025	Còn hiệu lực	
<b>B</b>	<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>						

1	21/2022/QĐ-TTg	Quyết định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa.	TTg Chính phủ	09/11/2022	25/12/2022	Còn hiệu lực	
<b>C</b>	<b>Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng</b>						
1.	10/2023/TT-BGTVT	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	22/6/2023	01/9/2023	Còn hiệu lực	
	số 01/2025/TT-BGTVT	Thông tư bổ sung một số nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Bộ trưởng Bộ GTVT	06/01/2025	01/3/2025	Còn hiệu lực	
2.	21/2022/TT-BGTVT	Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	22/8/2022	01/11/2022	Còn hiệu lực	
3.	49/2017/TT-BGTVT	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	15/12/2017	15/02/2018	Còn hiệu lực	
4.	50/2017/TT-BGTVT	Thông tư quy định về việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	29/12/2017	15/02/2018	Còn hiệu lực	
5.	08/2019/TT-BGTVT	Thông tư quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông ĐTNĐ theo chất lượng thực hiện	Bộ trưởng Bộ GTVT	28/02/2019	01/06/2019	Còn hiệu lực	
6.	36/2021/TT-BGTVT	Thông tư quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa	Bộ GTVT	22/12/2021	01/3/2022	Còn hiệu lực	
7.	42/2017/TT-BGTVT	Thông tư quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch.	Bộ trưởng Bộ GTVT	15/11/2017	01/01/2018	Còn hiệu lực	
8.	20/2022/TT-BGTVT	Thông tư quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	29/7/2022	01/01/2023	Còn hiệu lực	
9.	36/2016/TT-	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc	Bộ trưởng	24/11/2016	28/06/2017	Còn hiệu lực	

	BGTVT	gia về quy phạm giám sát kỹ thuật và đóng PT thủy nội địa cỡ nhỏ và chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng PT thủy nội địa	Bộ GTVT				
10.	79/2014/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ gỗ	Bộ trưởng Bộ GTVT	27/12/2014	01/07/2015	Còn hiệu lực	
11.	04/2015/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	23/3/2015	01/10/2015	Còn hiệu lực	
12.	54/2012/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm giám sát và kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu thể thao, vui chơi giải trí và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ xi măng lưới thép	Bộ trưởng Bộ GTVT	26/12/2012	01/07/2013	Còn hiệu lực	
13.	45/2015/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	03/9/2015	01/05/2016	Còn hiệu lực	
14.	43/2015/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa chế tạo bằng vật liệu polypropylen copolyme (PPC)	Bộ trưởng Bộ GTVT	20/8/2015	01/11/2015	Còn hiệu lực	
15.	39/2018/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa (Sửa đổi 2:2018 QCVN 72:2013/BGTVT)	Bộ trưởng Bộ GTVT	21/06/2018	31/01/2019	Còn hiệu lực	
16.	11/2013/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cao tốc (QCVN 54:2013/BGTVT)	Bộ trưởng Bộ GTVT	22/05/2013	01/12/2013	Còn hiệu lực	
17.	06/2013/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu làm bằng chất dẻo cốt sợi thủy tinh (QCVN 56:2013/BGTVT)	Bộ trưởng Bộ GTVT	25/06/2013	01/11/2013	Còn hiệu lực	
18.	43/2016/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đóng phương tiện thủy nội địa bằng vật	Bộ trưởng Bộ GTVT	20/12/2016	28/07/2017	Còn hiệu lực	

		liệu PPC (QCVN 95:2015/BGTVT)					
19.	02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL	Thông tư liên tịch quy định cấp biển hiệu phương tiện vận chuyên khách du lịch	Bộ trưởng Bộ GTVT và Bộ trưởng Bộ BVHTTDL	23/3/2016	15/5/2016	01/01/2018	
20.	09/2017/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên các phương tiện thủy nội địa (QCVN 96:2016/BGTVT)	Bộ trưởng Bộ GTVT	20/03/2017	28/09/2017	Còn hiệu lực	
21.	15/2017/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng Phương tiện thủy nội địa vỏ thép chở xô hoá chất nguy hiểm (Sửa đổi 1:2016 QCVN 01:2008/BGTVT; Sửa đổi 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT)	Bộ trưởng Bộ GTVT	15/05/2017	28/11/2017	Còn hiệu lực	
22.	15/2022/TT-BGTVT	Thông tư Sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa.	Bộ GTVT	30/6/2022	17/01/2023	Còn hiệu lực	
23.	61/2015/TT-BGTVT	Thông tư quy định về vận tải hàng hóa trên ĐTNĐ	Bộ trưởng Bộ GTVT	02/11/2015	01/01/2016	Còn hiệu lực	
24.	16/2013/TT-BGTVT	Thông tư quy định về tuyến quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/7/2013	15/09/2013	Còn hiệu lực	
25.	24/2022/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam	Bộ trưởng Bộ GTVT	13/10/2022	15/10/2022	Còn hiệu lực	
26.	66/2014/TT-BGTVT	Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.	Bộ trưởng Bộ GTVT	12/11/2014	01/01/2015	Còn hiệu lực	
27.	34/2019/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	06/9/2019	01/11/2019	Còn hiệu lực	
28.	18/2005/QĐ-	Quyết định ban hành quy định trách nhiệm và	Bộ trưởng	24/03/2005	21/04/2005	Còn hiệu lực	

	BGTVT	hình thức xử lý vi phạm trong công tác đào tạo, thi, kiểm tra, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Bộ GTVT				
29.	22/2016/TT-BGTVT	Thông tư quy định về quản lý hoạt động của thủy phi cơ, sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước	Bộ trưởng Bộ GTVT	01/9/2016	01/11/2016	Còn hiệu lực	
30.	10/2020/TT-BGTVT	Thông tư quy định việc đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì ĐTNĐ quốc gia sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Bộ trưởng Bộ GTVT	11/5/2020	01/07/2020	Còn hiệu lực	
	32/2023/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BGTVT ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đường thủy nội địa quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Bộ Giao thông vận tải	28/11/2023	15/01/2024	Còn hiệu lực	
31.	65/2015/TT-BGTVT	Thông tư ban hành "Định mức kinh tế - kỹ thuật sửa chữa phương tiện chuyên dùng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa".	Bộ trưởng Bộ GTVT	05/11/2015	01/01/2016	Còn hiệu lực	
32.	49/2015/TT-BGTVT	Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	22/9/2015	01/01/2016	Còn hiệu lực	
33.	42/2018/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/07/2018	15/10/2018	Còn hiệu lực	
34.	12/2019/TT-BGTVT	Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật các hao phí ca máy cho các phương tiện chuyên dùng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	11/3/2019	25/04/2019	Còn hiệu lực	
	18/2023/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật các hao phí ca máy	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/6/2023	15/8/2023	Còn hiệu lực	

		cho các phương tiện chuyên dùng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.					
35.	17/2018/TT-BGTVT	Thông tư quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền	Bộ trưởng Bộ GTVT	09/4/2018	01/07/2018	Còn hiệu lực	
36.	237/2016/TT-BTC	Thông tư quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ Tài chính	11/11/2016	01/01/2017	Còn hiệu lực	
37.	199/2016/TT-BTC	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	Bộ trưởng Bộ Tài chính	08/11/2016	01/01/2017	Còn hiệu lực	
38.	22/2014/TT-BGTVT	Thông tư hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	Bộ trưởng Bộ GTVT	06/06/2014	01/08/2014	Còn hiệu lực	
39.	08/2012/TT-BGTVT	Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.	Bộ trưởng Bộ GTVT	23/3/2012	01/06/2012	Còn hiệu lực	
	03/2013/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.	Bộ trưởng Bộ GTVT	29/3/2013	01/06/2013	Còn hiệu lực	
	13/2023/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy.	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/6/2023	01/9/2023	Còn hiệu lực	

40.	13/2023/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của tại các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy.	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/6/2023	01/9/2023	Còn hiệu lực	
41.	12/2018/TT-BGTVT	Thông tư quy định về công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực ĐTNĐ	Bộ trưởng Bộ GTVT	28/3/2018	15/05/2018	Còn hiệu lực	
42.	15/2012/TT-BGTVT	Quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách sang sông.	Bộ trưởng Bộ GTVT	10/5/2012	15/07/2012	Còn hiệu lực	
43.	67/2020/TT-BCA	Thông tư quy định về hoạt động tuần tra, kiểm soát của cảnh sát đường thủy	Bộ trưởng Bộ Công an	19/6/2020	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
44.	68/2020/TT-BCA	Thông tư Quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy	Bộ trưởng Bộ Công an	19/6/2020	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
45.	18/2005/TT-BCA-C11	Thông tư hướng dẫn thi hành một số điểm của Nghị định 09/2005/NĐ-CP	Bộ trưởng Bộ Công an	23/11/2005	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
46.	76/2011/TT-BCA	Thông tư quy định phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra giải quyết TNGT	Bộ trưởng Bộ Công an	22/11/2011	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
47.	62/2020/TT-BCA	Thông tư quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết TNGT của lực lượng CAND	Bộ trưởng Bộ Công an	19/6/2020	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
48.	73/2012/TT-BCA	Thông tư quy định quy trình điều tra, giải quyết TNGT đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát đường thủy	Bộ trưởng Bộ Công an	05/12/2012	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
49.	64/2020/TT-BCA	Thông tư quy định quy trình điều tra, giải quyết TNGT đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông	Bộ trưởng Bộ Công an	19/6/2020	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực	
50.	198/2016/TT-BTC	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ĐTNĐ và đường sắt.	Bộ trưởng Bộ Tài chính	08/11/2016	01/01/2017	Còn hiệu lực	
51.	248/2016/TT-BTC	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng,	Bộ trưởng Bộ Tài chính	11/11/2016	01/01/2017	Còn hiệu lực	

		bến thủy nội địa					
52.	47/2018/TT-BTC	Thông tư hướng dẫn xác định giá cho thuê, giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và thủy lợi.	Bộ trưởng Bộ Tài chính	15/5/2018	01/07/2018	Còn hiệu lực	
53.	75/2018/TT-BTC	Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.	Bộ trưởng Bộ Tài chính	17/08/2018	03/10/2018	Còn hiệu lực	
54.	113/2020/TT-BTC	Thông tư quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông ĐTNĐ	Bộ trưởng Bộ Tài chính	30/12/2020	15/02/2021	Còn hiệu lực	
55.	38/2020/TT-BGTVT	Thông tư hướng dẫn về phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách trung ương từ nguồn kinh phí thường xuyên	Bộ trưởng Bộ GTVT	31/12/2020	15/02/2021	Còn hiệu lực	
56.	23/2022/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách trung ương từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Bộ trưởng Bộ GTVT	03/10/2022	18/11/2022	Còn hiệu lực	
57.	26/2013/TT-BGTVT	Thông tư quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức ngành GTVT được giao nhiệm vụ trong công tác bảo đảm trật tự, ATGT ĐTNĐ.	Bộ trưởng Bộ GTVT	10/9/2013	01/11/2013	Còn hiệu lực	
58.	52/2015/TT-BGTVT	Thông tư quy định về phù hiệu, cờ hiệu, trang phục; phương tiện, thiết bị kỹ thuật của Thanh tra ngành GTVT.	Bộ trưởng Bộ GTVT	24/9/2015	01/01/2016	Còn hiệu lực	
59.	26/2017/TT-BGTVT	Thông tư quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và	Bộ trưởng Bộ GTVT	02/8/2017	01/01/2018	Còn hiệu lực	

		nhân viên Cảng vụ ĐTNĐ					
60.	35/2020/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực ĐTNĐ	Bộ trưởng Bộ GTVT	23/12/2020	15/02/2021	Còn hiệu lực	
61.	20/2022/TT-BGTVT	Thông tư quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.	Bộ trưởng Bộ GTVT	29/7/2022	01/01/2023	Còn hiệu lực	
62.	43/2022/TT-BGTVT	Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/12/2022	01/03/2023	Còn hiệu lực	
63.	39/2022/TT-BGTVT	Thông tư Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/12/2022	01/03/2023	Còn hiệu lực	
64.	10/2023/TT-BGTVT	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	22/6/2023	01/9/2023	Còn hiệu lực	
65.	16/2023/TT-BGTVT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	30/6/2023	15/8/2023	Còn hiệu lực	
66.	33/2023/TT-BGTVT	Thông tư Quy định về phân cấp quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Bộ trưởng Bộ GTVT	28/11/2023	15/01/2024	Còn hiệu lực	
67.	số 43/2024/TT-BGTVT	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	Bộ trưởng Bộ GTVT	15/11/2024	01/01/2025	Còn hiệu lực	

**Phụ lục 4**  
**DANH MỤC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

*4.1. Công ước quốc tế*

<i>TT</i>	<i>Tên Công ước</i>
1.	Công ước IMO 48 (Công ước về Tổ chức Hàng hải Quốc tế)
2.	Công ước SOLAS 74 (Công ước quốc tế về ATSM con người trên biển)
3.	Nghị định thư SOLAS 88
4.	Công ước LOAD LINES 66 (Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển)
5.	Nghị định thư LOAD LINES 88
6.	Công ước TONNAGE 69 (Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển)
7.	Công ước COLREG 72 (Công ước quốc tế về quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển)
8.	Công ước CSC 72 (Công ước quốc tế về an toàn container)
9.	Công ước STCW 78 (Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên)
10.	Công ước SAR 79 (Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn hàng hải)
11.	Công ước IMSO 76 (Công ước quốc tế về tổ chức vệ tinh hàng hải)
12.	INMARSAT OA 76 (Thỏa thuận quốc tế về tổ chức quốc tế vệ tinh hàng hải INMARSAT)
13.	Công ước FAL 65 (Công ước quốc tế về tạo điều kiện thuận lợi)
14.	MARPOL 73/78 (Phụ lục I/II) (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra - Phụ lục I/II)
15.	MARPOL 73/78 (Phụ lục III) (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra - Phụ lục III)
16.	MARPOL 73/78 (Phụ lục IV) (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra - Phụ lục IV)
17.	MARPOL 73/78 (Phụ lục V) (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra - Phụ lục V)

18.	Nghị định thư MARPOL 97 (Phụ lục VI) (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra - Phụ lục VI)
19.	Nghị định thư CLC 92(Nghị định thư 1992 sửa đổi Công ước quốc tế về giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các thiệt hại do ô nhiễm dầu 1969 )
20.	Công ước SUA 88 (Công ước quốc tế về ngăn chặn hành vi trái pháp luật chống lại an toàn của những giàn khoan cố định ở thềm lục địa)
21.	Nghị định thư SUA 88(Nghị định thư về ngăn chặn những hành vi trái pháp luật chống lại an toàn của những giàn khoan cố định ở thềm lục địa)
22.	Công ước BUNKER 2001(Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại do ô nhiễm từ dầu nhiên liệu 2001)
23.	Công ước AFS 2001 (Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu)
24.	Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển, 1982
25.	Công ước quốc tế về lao động hàng hải MLC 2006
26.	Công ước quốc tế UNCLOS 1982
27.	Cam kết gia nhập WTO

#### 4.2. Hiệp định vận tải biển

<i><b>TT</b></i>	<i><b>Bên ký kết</b></i>	<i><b>Ngày ký</b></i>	<i><b>Nơi ký</b></i>
1.	Thái Lan	22/01/1979	Bangkok
2.	Cu Ba	03/10/1983	Hà Nội
3.	Hungari	12/11/1983	Hà Nội
4.	Indonesia	25/10/1991	Jakarta
5.	Philippines	27/02/1992	Manila
6.	Trung Quốc	08/03/1992	Bắc Kinh
7.	Malaysia	31/03/1992	Hà Nội
8.	Singapore	16/04/1992	Singapore

9.	Ucraina	20/07/1992	Kiev
10.	Liên bang Nga	27/05/1993	Hà Nội
11.	Đức	29/06/1993	Born
12.	Rumani	01/09/1994	Bucaret
13.	Hàn Quốc	12/04/1995	Seoul
14.	Ba Lan	06/12/1995	Hà Nội
15.	Thái Lan (Nghị định thư sửa đổi bổ sung Hiệp định 1979)	14/09/1999	Hà Nội
16.	Pháp	23/05/2000	Paris
17.	Bun-ga-ri	18/9/2000	Xôphiá
18.	Brunei	12/11/2001	Bandar Seri Begawan
19.	Triều Tiên	03/05/2002	Bình Nhưỡng
20.	Iran	21/10/2002	Têhêran
21.	Hoa Kỳ	15/03/2007	Washington
22.	An-giê-ri	28/02/2011	An-giê-ri
23.	I-xra-en	24/11/2011	Hà Nội
24.	Ấn Độ	24/5/2013	Hà Nội
25.	Xu-đăng	17/9/2014	Hà Nội
26.	Tan-da-ni-a	27/10/2014	Hà Nội
27.	Thổ Nhĩ Kỳ	22/4/2015	An-ca-ra
28.	Mianma	05/11/2015	Kuala Lumpur
29.	Brazil	11/9/2017	Hà Nội

## 4.3. Danh mục các thỏa thuận giữa Việt Nam và các nước về công nhận giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên theo Công ước STCW 78/95

<i>TT</i>	<i>Tên nước</i>	<i>Cơ quan nước ngoài ký</i>	<i>Hình thức ký kết</i>	<i>Ngày hoàn thành ký kết</i>
1	Singapore	Maritime and Port Authority of Singapore	Hai bên cấp công nhận cho nhau	05/12/2001
2	Hà Lan	Directorate General for Freight Transport of the Netherlands	Hai bên cấp công nhận cho nhau	14/01/2002
3	Malta	Merchant Shipping Directorate of the Malta Maritime Authority	Hai bên cấp công nhận cho nhau	01/3/2002
4	Vanuatu	Deputy Commissioner of Maritime Affairs	Phía nước ngoài cấp công nhận	25/3/2002
5	Barbados	Barbados Ship's Registry	Phía nước ngoài cấp công nhận	26/3/2002
6	Quần đảo Marshall	Office of the Maritime Administrator of the Republic of the Marshall Islands.	Phía nước ngoài cấp công nhận	23/5/2002
7	Bahamas	Bahamas Maritime Authority	Phía nước ngoài cấp công nhận	08/4/2002
8	Belize	International Merchant Marine Registry of Belize	Phía nước ngoài cấp công nhận	04/6/2002
9	Indonesia	Directorate General of Sea Communication	Hai bên cấp công nhận cho nhau	17/7/2002
10	Malaysia	Marine Department of Malaysia	Hai bên cấp công nhận cho nhau	29/7/2002
11	Nhật Bản	Maritime Bureau, Ministry of Land, Infrastructure and Transport of Japan	Phía nước ngoài cấp công nhận	05/8/2002
12	Brunei	Marine Department, Ministry of Communications	Hai bên cấp công nhận cho nhau	16/9/2002
13	Ấn Độ	Director General of Shipping Ministry of Shipping	Phía Việt Nam cấp công nhận	22/11/2002
14	Panama	Panama Maritime Authority	Phía nước ngoài cấp công nhận	06/12/2002

	Panama	Panama Maritime Authority	Hai bên công nhận lẫn nhau	05/7/2011 (hai bên ký lại Thỏa thuận)
15	Hong Kông	Marine Department	Hai bên cấp công nhận cho nhau	19/12/2002
16	Liên bang Nga	Ministry of Transport of Russian Federation	Phía Việt Nam cấp công nhận	29/4/2003
17	Mông Cổ	Maritime Administration of Mongolia	Phía nước ngoài cấp công nhận	05/8/2003
18	Ucraina	Ministry of Transport	Hai bên cấp công nhận cho nhau	01/9/2003
19	Síp	Department of Merchant Shipping	Hai bên cấp công nhận cho nhau	Nước ngoài cấp: 10/5/2004 Việt Nam cấp: 27/5/2004
20	Hàn Quốc	Shipping and Logistics Bureau, Ministry of Maritime Affairs and Fisheries	Hai bên cấp công nhận cho nhau	27/6/2007
21	Romania	Romanian Naval Authority	Phía Việt Nam cấp công nhận	20/12/2007
22	Myanmar	Department of Marine Administration, Ministry of Transport, Myanmar	Hai bên cấp công nhận cho nhau	20/12/2008
23	Pháp	Direction Des Affaires Maritimes acting as the Administration of France	Hai bên cấp công nhận cho nhau	18/03/2010
24	Luxembourg	Commissariat Aux Affaires Maritimes of Luxembourg - Ministry of Economy & Foreign Trade	Phía nước ngoài cấp công nhận	12/04/2010
25	Georgia	Legal Entity of Public Law - Maritime Transport Agency of the Ministry of Economy and Sustainable Development of Georgia	Hai bên cấp công nhận cho nhau	07/02/2012

26	Antigua & Barbuda	Antigua and Barbuda Department of Marine Services and Merchant Shipping	Phía nước ngoài cấp công nhận	24/6/2014
27	Liberia	Liberia Maritime Authority	Phía nước ngoài cấp công nhận	10/7/2014
28	Đan Mạch	Danish Maritime Authority	Hai bên cấp công nhận cho nhau	10/02/2017
29	Thái Lan	Marine Department of Thailand	Hai bên cấp công nhận cho nhau	14/3/2017
30	Croatia	Ministry of Sea, Transport and Infrastructure of the Republic of Croatia	Hai bên cấp công nhận cho nhau	25/8/2017
31	Na Uy	Norwegian Maritime Authority	Hai bên cấp công nhận cho nhau	20/10/2017
32	Quần đảo Cook	Ministry of Transport	Phía nước ngoài cấp công nhận	10/4/2018
33	Vương quốc Anh	Maritime & Coastguard Agency	Hai bên cấp công nhận cho nhau	16/11/2021
34	Dominica	Commonwealth of Dominica Office of Maritime Affairs and Marine Personnel	Hai bên cấp công nhận cho nhau	29/3/2022

#### 4.4. Hiệp định vận tải thủy

1. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về Vận tải đường thủy.

**Phụ lục 5****DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN LĨNH VỰC HÀNG HẢI, GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

<b>TT</b>	<b>Số ký hiệu</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>	<b>Ngày ban hành</b>
<b>A</b>	<b>DANH MỤC TIÊU CHUẨN CƠ SỞ LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY</b>			
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HÀNG HẢI</b>			
1	TCCS 01:2013/CHHVN	Cọc ống thép và Cọc ván ống thép trong công trình cảng – Yêu cầu thiết kế	Cục HHVN	1059/QĐ-CHHVN ngày 04/11/2013
2	TCCS 02:2013/CHHVN	Tiêu chuẩn công trình cảng – Yêu cầu thiết kế - công trình bến	Cục HHVN	1259/QĐ-CHHVN ngày 31/12/2013
3	TCCS 03:2013/CHHVN	Tiêu chuẩn công trình cảng – Yêu cầu thiết kế - Quy định chung.	Cục HHVN	1260/QĐ-CHHVN ngày 31/12/2013
4	TCCS 01:2014/CHHVN	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng đóng mới tàu biển vỏ thép – Kết cấu thân tàu	Cục HHVN	251/QĐ-CHHVN ngày 26/4/2014
5	TCCS 02:2014/CHHVN	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng đóng mới tàu biển vỏ thép – Thiết bị thân tàu	Cục HHVN	251/QĐ-CHHVN ngày 26/4/2014
6	TCCS 03:2014/CHHVN	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng đóng mới tàu biển vỏ thép – Sơn thân tàu	Cục HHVN	251/QĐ-CHHVN ngày 26/4/2014
7	TCCS 04:2014/CHHVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì công trình bến cảng	Cục HHVN	1089/QĐ-CHHVN ngày 06/11/2014
8	TCCS 05:2014/CHHVN	Cảng du thuyền – Yêu cầu thiết kế	Cục HHVN	1247/QĐ-CHHVN ngày 15/12/2014
9	TCCS 02:2015/CHHVN	Tiêu chuẩn công tác nạo vét - Thi công và nghiệm thu	Cục HHVN	596/QĐ-CHHVN ngày 30/6/2015
10	TCCS 01:2016/CHHVN	Hành lang an toàn cho báo hiệu hàng hải	Cục HHVN	1670/QĐ-CHHVN ngày 26/10/2016
11	TCCS 01:2017/CHHVN	Tiêu chuẩn phương tiện thủy công vụ phục vụ ngành hàng hải	Cục HHVN	293/QĐ-CHHVN ngày 16/3/2017
12	TCCS	Đê chắn sóng – Yêu cầu Thiết kế	Cục HHVN	347/QĐ-CHHVN ngày 28/3/2017

	02:2017/CHHVN			
13	TCCS 01:2018/CHHVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật về bố trí báo hiệu hàng hải	Cục HHVN	130/QĐ-CHHVN ngày 31/01/2018
14	TCCS 02:2018/CHHVN	Công trình bến cảng - Tiêu chuẩn kiểm định	Cục HHVN	845B/QĐ-CHHVN ngày 31/5/2018
15	TCCS 01:2019/CHHVN	Công tác khảo sát đo sâu dưới nước bằng thiết bị hồi âm	Cục HHVN	1911/QĐ-CHHVN ngày 28/11/2019
16	TCCS 01:2022/CHHVN	Khảo sát địa chất công trình hàng hải -Yêu cầu kỹ thuật	Cục HHVN	1516/QĐ-CHHVN ngày 26/10/2022
17	TCCS 02:2022/CHHVN	Tiêu chuẩn cơ sở về Tiêu chí cảng xanh Việt Nam	Cục HHVN	1909/QĐ-CHHVN ngày 29/12/2022
<b>II TIÊU CHUẨN CƠ SỞ LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b>				
1	TCCS 01:2009/CĐTND	Bảo trì thiết bị báo hiệu điện	Cục ĐTND VN	2009
2	TCCS 01:2010/CĐTND	Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa	Cục ĐTND VN	01/02/2010
3	TCCS 02:2010/CĐTND	Quy định kỹ thuật nạo vét duy tu bảo đảm giao thông luồng ĐTND	Cục ĐTND VN	01/02/2010
4	TCCS 03:2010/CĐTND	Tiêu chuẩn đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện, công nhân quản lý công trình ĐTND	Cục ĐTND VN	01/02/2010
5	TCCS 04:2010/CĐTND	Quy định kỹ thuật bố trí báo hiệu về kích thước, vị trí, lắp đặt theo loại sông và vùng địa hình	Cục ĐTND VN	08/03/2010
6	TCCS 01:2013/CĐTND	Tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông	Cục ĐTND VN	2013
7	TCCS 02:2013/CĐTND	Công trình thanh thải vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa – Khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu	Cục ĐTND VN	10/7/2013
8	TCCS 01:2014/CĐTND	Tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn tuyến và trạm quản lý đường thủy nội địa – yêu cầu chung	Cục ĐTND VN	20/6/2014
9	TCCS 02:2014/CĐTND	Công trình chỉnh trị trên đường thủy nội địa – Yêu cầu kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên	Cục ĐTND VN	20/6/2014
10	TCCS 03:2014/CĐTND	Luồng đường thủy nội địa - Tiêu chuẩn thiết kế	Cục ĐTND VN	26/11/2014

11	TCCS 04:2014/CĐTND	Công trình chỉnh trị luồng đường thủy nội địa - Tiêu chuẩn thiết kế	Cục ĐTNĐ VN	26/11/2014
12	TCCS 01:2020/CĐTND	Bố trí báo hiệu đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐ VN	2020
13	TCCS 02:2020/CĐTND	Rà quét luồng, vật chướng ngại trên đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐ VN	2020
14	TCCS 03:2020/CĐTND	Bến thủy nội địa - Phân loại	Cục ĐTNĐ VN	2020
15	TCCS 01:2022/CĐTND	Công trình đường thủy – Tiêu chuẩn khảo sát địa chất công trình	Cục ĐTNĐ VN	2022
16	TCCS 02:2022/CĐTND	Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐ VN	2022
<b>B</b>	<b>DANH MỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY</b>			
<b>I</b>	<b>TCVN LĨNH VỰC HÀNG HẢI</b>			
1	TCVN 9805-1:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 1: Dịch vụ trực canh cấp cứu Inmarsat	Bộ KHCN	2013
2	TCVN 9805-2:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 2: Dịch vụ trực canh cấp cứu Cospas-Sarsat	Bộ KHCN	2013
3	TCVN 9805-3:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 3: Dịch vụ trực canh cấp cứu DSC	Bộ KHCN	2013
4	TCVN 9805-4:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 4: Dịch vụ trực canh cấp cứu RTP	Bộ KHCN	2013
5	TCVN 9805-5:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 5: Dịch vụ phát MSI RTP	Bộ KHCN	2013
6	TCVN 9805-6:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 6: Dịch vụ phát -Tiêu chuẩn phát MSI EGC	Bộ KHCN	2013
7	TCVN 9805-7:2013	Thông tin duyên hải theo chuẩn GMDSS- Phần 7: Dịch vụ phát MSI NAVTEX	Bộ KHCN	2013
8	TCVN 9806-1:2013	Thông tin duyên hải không theo chuẩn GMDSS- Phần 1: Dịch vụ trực canh cấp cứu thoại	Bộ KHCN	2013
9	TCVN 9806-2:2013	Thông tin duyên hải không theo chuẩn GMDSS- Phần 2: Dịch vụ phát MSI thoại	Bộ KHCN	2013

10	TCVN 10336:2015	Khảo sát độ sâu trong lĩnh vực hàng hải – Yêu cầu kỹ thuật	Bộ KHCN	2015
11	TCVN 10337:2015	Hải đồ vùng nước cảng biển và luồng hàng hải - Yêu cầu kỹ thuật cho hải đồ giấy - Ký hiệu	Bộ KHCN	2015
12	TCVN 10933:2015	Thông tin duyên hải - Dịch vụ thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa tàu thuyền (LRIT)	Bộ KHCN	2015
13	TCVN 10703:2015	Yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển	Bộ KHCN	2015
14	TCVN 10704:2015	Yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải	Bộ KHCN	2015
15	TCVN 11419:2016	Luồng tàu biển - Yêu cầu thiết kế	Bộ KHCN	2016
16	TCVN 13349:2021	Dịch vụ tiếp nhận, truyền phát, xử lý thông tin an ninh hàng hải	Bộ KHCN	2021
17	TCVN 13879:2023	Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam – Đài Thông tin duyên hải – Tiêu chí phân loại	Bộ KHCN	2023
18	TCVN 14141: 2024	Phương pháp tính toán, xác định tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải	Bộ KHCN	2024
<b>II</b>				
1	TCVN 5664-2009	Tiêu chuẩn Quốc gia – Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	Bộ KHCN	2009
2	TCVN 10305:2015	Tiêu chuẩn Quốc gia – Phân cấp cảng, bến thủy nội địa	Bộ KHCN	26/11/2014
3	TCVN 11392:2017	Bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa	Bộ KHCN	03/02/2017
4	TCVN 12250:2018	Cảng thủy nội địa - Công trình bến- Yêu cầu thiết kế	Bộ KHCN	2018
5	TCVN 1910:2020	Tiêu chuẩn thiết kế luồng tàu ĐTNĐ	Bộ KHCN	2020
<b>C</b>	<b>QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA</b>			
<b>I</b>	<b>QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA LĨNH VỰC HÀNG HẢI</b>			
1	QCVN 20: 2015/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải	Bộ KHCN	2015
2	QCVN 120: 2019/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	Bộ KHCN	2019
3	QCVN 107: 2021/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển	Bộ KHCN	2021
4	QCVN 108: 2021/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn	Bộ KHCN	2021
<b>II</b>	<b>QCVN LĨNH VỰC ĐTNĐ</b>			

1	QCVN 39:2020/BGTVT	Quy Chuẩn quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa	Bộ GTVT	2020
2	QCVN 98:2017/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra, xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Bộ GTVT	2017

## Phụ lục 6

## DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
A	B	1=2+3+4+5+6+7	2	3	4	5	6	7
<b>I</b>	<b>Miền Bắc</b>	<b>3,044.40</b>	<b>0.00</b>	<b>495.00</b>	<b>658.40</b>	<b>1,417.50</b>	<b>417.50</b>	<b>56.00</b>
1	Sông Hồng	544		178.5	74.5	125	166	
2	Sông Đà (bao gồm Hồ Hòa Bình và Hồ Sơn La)	436				436		
3	Hồ Lai Châu	91				91		
4	Sông Lô-Gâm	151			1	105	45	
5	Hồ Thác Bà (qua cảng Hương Lý)	50				50		
6	Sông Đuống	68			68			
7	Sông Luộc	72			72			
8	Sông Đáy	163		72		43	48	
9	Sông Hoàng Long	28					28	
10	Sông Đào Nam Định	33.5			33.5			
11	Sông Ninh Cơ	47		47				
12	Kênh Quần Liêu	3.5				3.5		

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
13	Sông Vạc	28.5				28.5		
14	Kênh Yên Mô	14				14		
15	Sông Châu Giang	27					27	
16	Sông Thái Bình	100			10	90		
17	Sông Cầu	104				83	21	
18	Sông Bằng Giang	56						56
19	Sông Lục Nam	56				56		
20	Sông Thương	62				62		
21	Sông Công	19				5	14	
22	Sông Kinh Thầy	44.5			44.5			
23	Sông Kinh Môn	45				45		
24	Sông Kênh Khê	3			3			
25	Sông Lai Vu	26				26		
26	Sông Mạo Khê	18				18		
27	Sông Cầu Xe - Mía	6				6		
28	Sông Văn Úc - Gù	61			57	4		
29	Sông Hóa	36.5					36.5	
30	Sông Trà Lý	70			42	28		

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
31	Sông Hàn - Cẩm	16		7.5	8.5			
32	Sông Phi Liệt - Đá Bạch	30.3			30.3			
33	Sông Đào Hạ Lý	3				3		
34	Sông Lạch Tray	49			9	40		
35	Sông Ruột Lợn	7				7		
36	Sông Ưông	14					14	
37	Luồng Hạ Long - Yên Hưng	24.5		24.5				
38	Luồng Bái Tử Long-Lạch Sâu	25			25			
39	Luồng Hạ Long - Cát Bà (bao gồm Lạch Tùng Gâu Cửa Đông; Lạch Bãi Bèo)	30.5			30.5			
40	Lạch Cẩm Phả - Hạ Long	29.5		29.5				
41	Luồng Móng Cái-Vân Đồn-Cẩm Phả	96		96				
42	Luồng Vân Đồn-Cô Tô	55			37		18	
43	Luồng Sậu Đông - Tiên Yên	41		10	21	10		
44	Luồng Nhánh Vạ Ráy ngoài	12		12				
45	Sông Chanh	6			6			
46	Luồng Bài Thơ-Đầu Mối	7			7			

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
47	Luồng Lạch Ngăn- Lạch Giải (qua Hòn Một)	22			22			
48	Sông Móng Cái	17				17		
49	Luồng Hòn Đũa-Cửa Đồi	46.6			46.6			
50	Luồng Tài Xá-Mũi Chùa	31.5			10	21.5		
51	Vạn Tâm - Bắc Luân	18		18				
<b>II</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>1,167.50</b>	<b>0.00</b>	<b>46.70</b>	<b>0.00</b>	<b>458.60</b>	<b>510.00</b>	<b>152.20</b>
1	Kênh Nga Sơn	27					27	
2	Sông Lèn	51					51	
3	Kênh De	6.5					6.5	
4	Sông Tào	32					32	
5	Kênh Choán	15					15	
6	Sông Mã	36				17	19	
7	Sông Bưởi	25.5					25.5	
8	Lạch Bạng-Đảo Hòn Mê	20		20				
9	Sông Lam	157.4				103.7	39.7	14
10	Sông Hoàng Mai	18				18		
11	Lan Châu-Hòn Ngự	5.7		5.7				

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
12	Kênh Nhà Lê (Nghệ An)	36						36
13	Sông La-Ngàn Sâu	40				13	27	
14	Sông Rào Cái-Gia Hội	63					37	26
15	Sông Nghèn	64.5				14	24.5	26
16	Sông Gianh	63				63		
17	Sông Son	36				36		
18	Sông Nhật Lệ	22				22		
19	Sông Hiếu	27				27		
20	Sông Thạch Hãn	46					46	
21	Sông Bến Hải (bao gồm nhánh Bến Tắt)	37.4					9.5	27.9
22	Sông Hương	34					34	
23	Phá Tam Giang (bao gồm Đầm Thủy Tú, ngang Phá Tam Giang, Đầm Cầu Hai, Đầm An Truyền, sông Truồi nổi dài)	119.6				110	9.6	
24	Sông Hàn-Vĩnh Điện	31.7		4		2.4	3	22.3
25	Sông Trường Giang	60.2					60.2	
26	Sông Thu Bồn (bao gồm sông Hội An)	76				32.5	43.5	

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
27	Hội An-Cù Lao Chàm	17		17				
<b>III</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>2,971.10</b>	<b>450.90</b>	<b>175.40</b>	<b>223.50</b>	<b>1,892.90</b>	<b>228.40</b>	<b>0.00</b>
1	Hồ Trị An	40				40		
2	Sông Đồng Nai (bao gồm Nhánh cù lao Ông Cồ, cù lao Rùa, cù lao Bạch Đằng)	72.8	1			71.8		
3	Sông Sài Gòn	130.3			17.3	113		
4	Sông Vàm Cỏ Đông	131	21.1			109.9		
5	Sông Vàm Cỏ Tây	162.8	33.4			95.4	34	
6	Sông Vàm Cỏ	35.5	35.5					
7	Kênh Tẻ-Đôi	13				13		
8	Sông Chợ Đệm Bến Lức	20				20		
9	Kênh Thủ Thừa	10.5				10.5		
10	Rạch Ông Lớn-kênh Cây Khô	8.5				8.5		
11	Sông Cần Giuộc	35.5			9.6	25.9		
12	Kênh Nước Mặn	2			2			
13	Rạch Lá-Kênh Chợ Gạo-Rạch Kỳ Hôn	28.5			28.5			

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
14	Sông Tiên (bao gồm nhánh cù lao Tây, cù lao Ma, sông Hồ Cừ, cù lao Long Khánh)	221.3	212.2	9.1				
15	Kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	44.4					44.4	
16	Kênh Tháp Mười số 1	90.5				90.5		
17	Kênh Tháp Mười số 2 (Bao gồm nhánh âu Rạch Chanh)	94.3				94.3		
18	Kênh Phước Xuyên-28 (bao gồm kênh 4Bis; kênh Tư mới)	75.8				26.5	49.3	
19	Kênh Xáng Long Định	18.5				18.5		
20	Sông Vàm Nao	6.5	6.5					
21	Kênh Tân Châu	12.1		12.1				
22	Kênh Lấp Vò-Sa Đéc	51.5				51.5		
23	Rạch Ông Chưởng	21.8				21.8		
24	Kênh Chẹt Sậy-sông Bến Tre	16.5				16.5		
25	Sông Hàm Luông	86	32.4	53.6				
26	Rạch và kênh Mỏ Cày	18				18		
27	Kênh Chợ Lách	10.7			10.7			

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
28	Sông Cỏ Chiên (bao gồm nhánh sông Băng Tra, Cung Hầu)	133.8	63	70.8				
29	Kênh Trà Vinh	4.5				4.5		
30	Sông và kênh Măng Thít-Tắt cù lao Mây (bao gồm rạch Trà Ôn)	52				52		
31	Sông Hậu (bao gồm cù lao Ông Hồ, nhánh Năng Gù-Thị Hòa)	91.6	45.8	29.8		16		
32	Sông Châu Đốc-kênh Vĩnh Tế	10				10		
33	Kênh Tri Tôn - Hậu Giang	57.5				26.3	31.2	
34	Kênh Ba Thê	57					57	
35	Kênh Rạch Giá Long Xuyên	64				64		
36	Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang-Ông Hiễn Tà Niên	64.2				64.2		
37	Kênh Mạc Cần Dung-Tám Ngàn	48.5				36	12.5	
38	Kênh Vành Đai - Rạch Giá Hà Tiên-	88.8				88.8		
39	Kênh Ba Hòn	5				5		
40	Rạch Cần Thơ	14.7				14.7		

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
41	Kênh rạch Xà No-Cái Nhứt	42.5				42.5		
42	Rạch Cái Tư	12.5				12.5		
43	Kênh Tắt Cây Trâm-Trạm Cảnh Đền (bao gồm rạch Ngã ba Đình)	50				50		
44	Rạch Cái Tàu	15.2				15.2		
45	Sông Cái Bé-Rạch Khe Luông	55.5			7.3	48.2		
46	Rạch Ô Môn- kênh Thị Đội -kênh Thốt Nốt	47.5				47.5		
47	Kênh Tắt Cậu	1.5			1.5			
48	Sông Cái Lớn	56			56			
49	Kênh rạch Cái Côn-Quản Lộ Phụng Hiệp	118.7				118.7		
50	Sông Ông Đốc - Trèm Trèm	90.8			41.3	49.5		
51	Kênh Tân Bằng-Cán Gáo	40				40		
52	Sông Tắc Thủ-Gành Hào	5.7				5.7		
53	Sông Gành Hào	49.3			49.3			
54	Sông, rạch Đại Ngải-Cổ Cò (bao gồm kênh Phú Hữu Bãi Xàu, rạch Thạnh Lợi, Ba Xuyên Dừa Tho)	60.8				60.8		

TT	Danh mục tuyến đường thủy nội địa trung ương quản lý	Tổng chiều dài quản lý (km)	Phân theo cấp kỹ thuật (km)					
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
55	Kênh Vàm Lèo - Bạc Liêu-Cà Mau	81.3				81.3		
56	Kênh Cái Nháp	11				11		
57	Kênh Lương Thế Trân	10				10		
58	Kênh sông Bảy Hạp Gành Hào - Năm Căn	34				34		
59	Kênh Tắt Năm Căn	11.5				11.5		
60	Kênh Hộ Phòng Gành Hào	18				18		
61	Kênh Tắc Vân	9.4				9.4		
	<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>	<b>7,183.00</b>	<b>450.90</b>	<b>717.10</b>	<b>881.90</b>	<b>3,769.00</b>	<b>1,155.90</b>	<b>208.20</b>



II 1.11	Hoà Bình	<b>19.00</b>	-	-	-	-	7.00	12.00	-	-
II.1.12	Thái Nguyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1.13	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1.14	Quảng Ninh	<b>200.00</b>	-	-	70.00	35.00	61.00	34.00	-	-
II.1.15	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1.16	Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	92.00
I .1.17	Vĩnh Phúc	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1.18	Bắc Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	164.40
II.1.19	Hải Dương	<b>122.00</b>	-	-	-	-	-	122.00	-	-
II.1.20	Hải Phòng	<b>140.88</b>	-	6.60	19.60	20.28	91.11	0.7	2.55	-
II.1.21	Hung Yên	<b>113.00</b>	-	-	-	-	-	84.00	29.00	-
II.1.22	Thái Bình	<b>136 90</b>	-	-	-	-	-	74.70	62.20	-
II.1.23	Hà Nam	<b>79.00</b>	-	-	-	-	6.00	18.00	55.00	-
II.1.24	Nam Định	<b>61.75</b>	-	-	-	-	-	-	61.75	-
II.1.25	Ninh Bình	<b>144.30</b>	-	-	-	30.00	6.00	77 00	31.30	-
<b>II.2</b>	<b>MIỀN TRUNG</b>	<b>1,889.55</b>	-	<b>79.00</b>	<b>21.00</b>	<b>62.15</b>	<b>966.80</b>	<b>504.43</b>	<b>256.17</b>	<b>105.20</b>
II. .1	Thanh Hóa	<b>548.00</b>	-	79.00	21.00	11.00	113.00	238.00	86.00	-
II.2.2	Nghệ An	<b>45.50</b>	-	-	-	-	-	43.40	2.10	-
II.2.3	Hà Tĩnh	<b>145.5</b>	-	-	-	-	-	87.00	58.5	-



II.3.2	Tây Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.3.3	Bình Dương	<b>16,5</b>	-	-	-	1.25	15.25	-	-	-
II.3.4	Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.3.5	Bà Rịa - Vũng Tàu	<b>253.11</b>	-	148.05	13.77	15.80	30.80	24.80	19.89	-
II.3.6	Hồ Chí Minh	<b>555.00</b>	-	20.30	1.30	62.90	139.40	67.70	163.40	-
II.3.7	Long An	<b>2,358.27</b>	-	-	-	-	109.58	460.07	1,788.62	-
II.3.8	Tiền Giang	<b>832.61</b>	-	10.90	30.73	52.62	387.03	351.33	-	-
II.3.9	Bến Tre	<b>868.24</b>	-	34.00	12.35	-	70.67	246.10	505.13	-
II.3.10	Trà Vinh	<b>809.63</b>	-	-	-	-	-	117.82	691.81	-
II.3. 1	Vĩnh Long	<b>516.68</b>	-	3.00	18.00	8.70	114.60	126.50	245.88	-
II.3.12	Đồng Tháp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.3.13	An Giang	<b>2,335.26</b>	-	-	-	96.70	56.35	223.52	1,958.69	-
II.3.14	Kiên Giang	<b>1,122.10</b>	-	-	-	8.50	30.60	672.40	410.60	-
II.3.15	Cần Thơ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I.3.16	Hậu Giang	<b>591.00</b>	-	-	-	-	159.00	432.00	-	-
II.3.17	Sóc Trăng	<b>3,176.00</b>	-	-	-	57. 0	239.00	428.00	2,452.00	-
II.3.18	Bạc Liêu	<b>455.10</b>	-	-	-	13.80	32.00	82.00	327.30	-
II.3.19	Cà Mau	<b>926.80</b>	-	-	-	96.50	247.40	582.90	-	564.40

***Ghi chú:***

- Dòng "Tổng số": ghi tổng chiều dài ĐTNĐ trung ương quản lý và chiều dài ĐTNĐ địa phương quản lý và chia theo cấp kỹ thuật.
- Cột 1 bằng tổng Cột 2 đến Cột 8.

## Phụ lục 8

## Tổng hợp thống kê đăng ký kỹ thuật phương tiện thủy nội địa

Số TT	Loại phương tiện	Số lượng		Tổng công suất máy (cv)		Khả năng khai thác		Tuổi T.b
		2024	11/2025	2024	15/11/2025	2024	15/11/2025	
	<b>Tổng số lượng</b>	<b>240971</b>	<b>242037</b>					<b>16.74</b>
	<b>Tổng trọng tải</b>							
	<i>Phương tiện chở hàng (tấn)</i>					<b>24235615</b>	<b>25424992</b>	
	<i>Phương tiện chở người (người)</i>					<b>648023</b>	<b>658372</b>	
	<b>Tổng công suất</b>			<b>17519889</b>	<b>18051623</b>			
1	Chở hàng khô	165734	166222	10874673	11195312	20700930	21665231 (tấn)	19.91
2	Chở hàng khô hoặc công te nơ	1098	1143	663126	707794	1762385	1881750 (tấn)	14.02
3	Chở công te nơ	269	274	102513	108147	6752	7962 (teu)	20.07
4	Chở cát ướt	6	6	0	NULL	131584	103175 (tấn)	2.33
5	Chở dầu	1441	1427	141824	140382	236581	236223 (tấn)	27.02
6	Chở dầu loại I	402	400	201708	202036	302527	302681 (tấn)	20.43
7	Chở dầu loại II	1201	1218	191052	193342	219096	221610 (tấn)	18.01
8	Chở dầu loại I hoặc Hóa chất loại II	1	1	1000	1000	3040	3040 (tấn)	17.00
9	Tàu cao tốc chở hàng	19	19	26350	26350	92	92 (tấn)	5.47
10	Chở khí hóa lỏng	7	7	2980	2980	6750	6750 (m3)	20.71
11	Chở cá sống	1124	1126	138775	139963	23403	23529 (tấn)	20.39
12	Chở hàng có cửa đáy	215	224	122844	137089	270371	292512 (tấn)	14.81
13	Chở chất lỏng khác	22	19	5663	5373	8805	8889 (tấn)	20.21
14	Chở hàng trên boong	1101	1234	22177	23411	742776	874063 (tấn)	10.49
15	Chở bồn xi măng	32	31	15848	15498	30662	29822 (tấn)	14.71
16	Chở xi măng rời	9	9	5798	5798	10176	10176 (tấn)	11.44
17	Chở bùn đất	43	43	14338	14338	42091	42091 (tấn)	19.12
18	Chở nước	259	261	34317	34886	45380	45693 (tấn)	23.09
19	Khai thác cát đá	414	412	9425	9401	15635	15635 (tấn)	22.88
20	Bến nổi	624	662	478	478	11072	11641 (người)	9.98
21	Tàu chở nhựa đường	2	2	0	0	2458	2458 (tấn)	28.00

22	Nhà hàng nổi	136	141	24324	29682	16642	19504	(người)	14.21
23	Tàu chở người	35300	35363	607537	607972	184269	185084	(người)	17.72
24	Chở người và hàng	1952	1971	49948	50581	16402	16554	(người)	11.86
25	Tàu cao tốc chở người	1864	1937	344092	362326	13670	14294	(người)	9.54
26	Tàu cao tốc chở người và hàng	0	1	0	610	0	10	(người)	15.00
27	Phà	677	682	134904	140308	55832	56840	(người)	21.37
28	Phà một lưỡi	1543	1565	103271	106487	55110	56040	(người)	14.44
29	Tàu khách	6868	6871	505116	510113	213855	215339	(người)	23.00
30	Tàu khách hàng	311	314	36085	37264	10477	10685	(người)	19.15
31	Tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm	295	316	138790	152544	15346	16410	(người)	12.60
32	Tàu cao tốc chở khách	1609	1635	651256	665604	55206	56476	(người)	9.79
33	Tàu cao tốc chở khách và hàng	1	1	240	240	48	48		9.00
34	Tàu du lịch	237	235	14373	14205	8840	8762	(người)	25.47
35	Tàu chở công nhân	452	449	31649	31345	2326	2326	(người)	20.80
36	Tàu cần cầu	758	762	4710	4710	9437	9775	(tấn)	25.43
37	Tàu cần cầu (cầu và chở hàng)	437	449	20244	20357	8573	8637	(tấn)	14.07
38	Tàu đặt cầu	1442	1404	11525	11525	12299	11838	(tấn)	21.21
39	Tàu cuốc	401	399	8985	8985	23880	23690	(m <sup>3</sup> /h)	17.25
40	Tàu hút	763	750	111760	107056	674585	700626	(m <sup>3</sup> /h)	21.39
41	Tàu hút (chỉ hút cát và chở cát)	502	540	169399	201121	263173	303115	(m <sup>3</sup> /h)	10.85
42	Tàu hút (chỉ hút cát)	93	103	16253	18245	89746	74049	(m <sup>3</sup> /h)	10.57
43	Tàu hút (hút và chở hàng)	47	50	39210	50566	85637	108137	(m <sup>3</sup> /h)	10.14
44	Tàu kéo	2328	2318	953720	956407	9981328	10025551	(kG)	28.07
45	Tàu đẩy	794	814	256087	275036	2668938	2884050	(kG)	22.42
46	Tàu kéo đẩy	1635	1623	462784	456749	4933248	4872898	(kG)	24.42
47	Tàu đóng cọc	5	5	0	0	192	192	(tấn)	8.80
48	Tàu công vụ	62	63	7645	7685	559	559	(người)	17.06
49	Tàu cứu hộ	33	33	3242	3242	1127	1127	(người)	20.30
50	Tàu cứu hỏa	38	38	14015	14015	4625	4625	(m <sup>3</sup> /h)	2.92
51	Tàu hoa tiêu	8	8	3225	3225	81	81	(người)	27.13

52	Tàu huấn luyện	7	7	1143	1143	56	56 (người)	20.86
53	Tàu thu gom, xử lý chất thải	13	13	577	577	42	42 (tấn)	6.23
54	Tàu thủy văn	46	46	3502	3502	333	333 (người)	17.83
55	Tàu y tế	1	1	200	200	6	6 (người)	16.00
56	Tàu vui chơi giải trí	194	305	31296	51956	352	519 (người)	6.02
57	Tàu khác	6097	6085	183895	182463	42975	43069 (tấn)	21.23

**Phụ lục 9****TỔNG HỢP THỐNG KÊ ĐĂNG KÝ KỸ THUẬT PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA***(Tính đến ngày: 15/11/2025)***Số lượng của từng địa phương**

Số TT	Tên tỉnh/Thành phố	Số lượng		Tổng công suất máy (cv)		Trọng tải tàu hàng (tấn)		Sức chở tàu khách (ng)		Tuổi T.b
		2024	15/11/2025	2024	15/11/2025	2024	15/11/2025	2024	15/11/2025	
1	An Giang	64597	64720	2475969	2540633	2324900	2363785	78914	79460	19.79
2	Bắc Ninh	1454	1485	326071	375377	857555	951341	2173	2173	18.93
3	Cà Mau	49137	49105	836714	832763	369683	367358	127247	127028	18.79
4	Cần Thơ	19180	19256	1270313	1288888	1164100	1188282	35991	36200	20.59
5	Cao Bằng	3	3	145	145		0	23	23	6.67
6	Đà Nẵng	1930	1941	166544	176396	63324	63389	19984	19788	17.78
7	Đắk Lắk	153	157	15571	16397	1637	1728	562	537	10.45
8	Điện Biên	115	115	977	977	10101	10101	118	118	15.46
9	Đồng Nai	885	880	96205	101038	165019	164314	4278	4248	19.99
10	Đồng Tháp	24325	24443	1667113	1700929	1630626	1657062	48785	48493	21.08
11	Gia Lai	290	286	46391	45204	5372	5200	3573	3344	15.38
12	Hà Nội	4493	4577	448121	484227	788054	853437	14313	14631	14.85
13	Hà Tĩnh	228	225	20983	23363	22597	25097	1004	998	13.73
14	Hải Phòng	6226	6393	1358615	1536662	3314610	3507636	34839	37640	18.67
15	Huế	2015	2017	33891	35245	5559	4979	6416	6495	23.09
16	Hung Yên	1369	1374	239597	292970	605367	645072	2855	2921	20.14
17	Khánh Hòa	1511	1565	276274	304208	146825	127738	31284	32410	15.76
18	Lai Châu	32	32	1081	1081	150	150	67	67	6.31
19	Lâm Đồng	317	323	36030	44821	8848	10341	3064	3017	15.92
20	Lạng Sơn	34	34	577	1027	1041	1041	48	48	20.32
21	Lào Cai	775	783	38321	41305	34677	37047	3159	3134	15.98
22	Nghệ An	1870	1883	129381	139172	154610	161329	3371	3554	18.31
23	Ninh Bình	5119	5166	1299384	1511763	3710812	3966122	6587	6659	16.71
24	Phú Thọ	4106	4155	774784	888722	1473492	1592752	10469	10530	16.83
25	Quảng Ngãi	206	204	90365	84328	18647	22459	3112	3104	16.42

26	Quảng Ninh	6324	6479	808050	931301	1419111	1611680	70435	73318	17.32
27	Quảng Trị	2010	2014	58721	57642	34194	36788	14674	14688	20.18
28	Sơn La	583	583	22170	22170	9389	9389	1554	1554	15.38
29	Tây Ninh	8434	8409	895903	908411	1477397	1515910	9670	9709	21.38
30	Thái Nguyên	512	514	12615	13954	10766	14609	4784	4784	17.21
31	Thanh Hóa	1197	1235	113781	153056	180277	220193	2264	2274	14.61
32	TP. Hồ Chí Minh	10143	10225	2069373	2153011	2705868	2745780	54502	57285	19.43
33	Tuyên Quang	594	605	33030	34725	22979	25589	3211	3295	14.49
34	Vĩnh Long	20804	20851	1301856	1309711	1498026	1517292	44693	44845	20.68

**Phụ lục 10****BẢNG TỔNG HỢP VÀ SO SÁNH SẢN LƯỢNG VẬN TẢI ĐTND NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY**

Năm	VT Hành khách (nghìn HK)		Luân chuyển HK (Triệu HK.km)		VT Hàng hóa (Nghìn tấn)		Luân chuyển HH (Triệu tấn.km)		VT Hàng hóa (Nghìn tấn)	
	cả năm	so cùng kỳ năm trước (%)	cả năm	so cùng kỳ năm trước (%)	cả năm	so cùng kỳ năm trước (%)	cả năm	so cùng kỳ năm trước (%)	cả năm	so cùng kỳ năm trước (%)
2019	200580,5	105,6	3985,9	107,0	303414,1	105,6	63354,4	106,4	9146,323	105,00
2020	226969,4	98,7	3688,5	82,3	337087,0	90,4	68887,9	98,6	10888,784	119,05
2021	157198,4	69,3	2650,4	71,9	315527,4	93,6	67953,3	98,6	14495,750	133,13
2022	244163,3	152,9	3305,7	124,4	495172,0	122,7	93025,9	137,7	17425,738	120,21
7 tháng đầu năm 2023	196631,9	128,6	3744,5	131,0	285000,9	130,0	59554,7	123,9	8597,501	0,785

## Phụ lục 11

BẢNG TỔNG HỢP THỰC TRẠNG TAI NẠN GIAO THÔNG ĐTNĐ

Năm	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Tỷ lệ phần trăm so với năm trước (tăng/giảm)			Tỷ lệ phần trăm năm 2022 so với năm 2016 (tăng/giảm)		
				Số vụ	số người chết	Số người bị thương	Số vụ	số người chết	Số người bị thương
2016	114	72	16						
2017	99	45	16	-13%	-38%	0%			
2018	83	46	6	-16%	2%	-63%			
2019	61	26	9	-27%	-43%	50%			
2020	69	47	7	13%	81%	-22%			
2021	53	35	1	-23%	-26%	-86%			
2022	32	45	6	-40%	29%	500%	-72%	-38%	-63%
09 tháng 2023	22	16	5						